TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2025/HSST
Ngày: 13/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Síu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên.

2. Bà Trần Thị Ánh Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V, sinh năm 1989 tại Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi ở trước khi bị bắt: thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân: 034089001284; con ông Nguyễn V(đã chết) và bà Đặng Thị L (đã chết); bị cáo không có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Tại bản án số 17/2009/HSST ngày 22/4/2009, của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử tuyên phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Ngày 05/7/2009, chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong các hình phạt khác, đã được xóa án tích.

Tại bản án số 47/2021/HSST ngày 07/4/2021, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai, xét xử tuyên phạt 01 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; ngày 29/12/2021, chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong các hình phạt khác, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2024 đến ngày 01/01/2025 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực Pleiku thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bị hại: Ông Lê Cảnh Sơn; địa chỉ: Đơn vị công tác C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Ngô Trung Hiếu; địa chỉ: Đơn vị công tác C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Hoàng; địa chỉ: Tổ 5, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Hàng; địa chỉ: Hẻm 466 Ln, tổ 5, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị Thu Uyên; địa chỉ: Hẻm 466 Ln, tổ 5, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị Hạnh D (sinh năm 1987, trú tại Tổ 05, phường Hú, thành phố P) có quan hệ tình cảm yêu thương nhau. Khoảng 16 giờ ngày 23/12/2024, sau khi đã uống bia bị cáo V mang theo 01 dao bấm cất trong người rồi đi bộ đến nhà chị Nguyễn Thị Hạnh D trú tại Tổ 05, phường H , thành phố P để tìm gặp Duyên nói chuyện. Đến nơi, bị cáo V gặp bà Phạm Thị H (mẹ của D) hỏi "D đâu rồi". Do Duyên đang bị tạm giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và bà Hàng không quen biết bị cáo V nên bà Htrả lời "D không ở đây". Lúc này, bị cáo Vó nghĩ là gia đình không muốn cho gặp D nên bị cáo Vó đã cởi áo, rút 01 dao ra dí vào bụng mình, rồi nói với bà H "Má không cho con gặp D là con tự tử ngay đây" và bị cáo V đã dùng dao cứa 03 cái vào phần bụng của bị cáo V gây xước da chảy máu. Thấy vậy, bà Hàng bỏ chạy ra ngoài đường rồi nhờ cháu Trần Thị Thu Un (sinh năm 2006, trú tại Tổ 05, phường Hú, thành phố P) đến Trực ban Công an phường H trình báo về việc có người thanh niên lạ mặt vào nhà cầm dao đòi tự tử. Ngay sau khi nhận được tin báo, thực hiện lịch phân công nhiệm vụ của Công an phường H, anh Ngô Trung H (cấp bậc Trung úy) mặc trang phục Cảnh sát nhân dân cùng anh Lê Cảnh S (cấp bậc Thiếu tá) mặc thường phục mang theo công cụ hỗ trợ (gậy ba khúc) và ông Nguyễn Văn H (là tổ trưởng Tổ an ninh trật tự cơ sở tại phường H) đi đến hiện trường để giải quyết vụ việc. Khi đến nơi, anh Svà anh H thấy bị cáo V đang cầm dao bấm đứng tại cửa nhà bà Hàng và lớn tiếng đe dọa đòi tự tử, không cho người khác vào tiếp cận. Lúc này, anh Sơn cùng anh H đến gần (cách chỗ bị cáo Vó đứng khoảng 02 mét giới thiệu là cán bộ Công an phường H và yêu cầu bị cáo V bỏ dao xuống nhưng bị cáo V không đồng ý mà lớn tiếng đe dọa, đuổi anh Sơn, anh H và anh H ra ngoài và nói "Chúng mày cút đi, đúng 6

giờ đưa con Duyên đến đây, nếu không tao chết". Trong lúc anh H đứng vận động thì anh S đi vòng ra cửa sau để tiếp cận khống chế; bị cáo V phát hiện nên đi vào trong phòng khách nhà bà Hàng bật điện thì anh Sơn xông vào dùng hai tay chụp lấy tay cầm dao của bị cáo V để khống chế; bị cáo V nói to "Buông ra", anh S không buông thì bị cáo Vó đã cắn 01 cái vào tay trái của anh S; đồng thời, tay của bị cáo V đang cầm dao vùng vẫy chống cự làm dao cứa vào bàn tay trái của anh S. Lúc này, anh H cùng ông H bắt giữ được bị cáo V, sau đó dẫn về trụ sở Công an phường Hội Phú lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; thu giữ vật chứng, gồm: 01 con dao dài 19,5cm, lưỡi dao dài 09cm, đầu nhọn bằng kim loại, cán dao bằng kim loại, trên bề mặt dao bám dính chất màu đỏ nghi máu (đã được niêm phong theo quy định).

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường và tiến hành xem xét dấu vết trên thân thể của anh Lê Cảnh S, xác định các vết thương tích: Tại vị trí mặt ngoài mu bàn tay trái tiếp giáp cổ tay có vết thương rách da chảy máu đã khô diện (1,8 x 1,2)cm bề mặt xung quanh sưng nề bầm tụ máu diện (4 x 3,5)cm. Tại vị trí đầu mặt trong ngón 3 tay trái có vết thương rách da chảy máu đã khô diện (2,5 x 1,2)cm. Tại vị trí đầu mặt trong ngón 4 tay trái có vết thương rách da chảy máu đã khô diện (4,2 x 1,6)cm. Tại vị trí đầu mặt trong ngón 5 tay trái có vết thương rách da chảy máu đã khô diện (2,1 x 1,2)cm.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xem xét dấu vết trên thân thể của bị cáo Nguyễn Văn V, xác định các vết thương tích mà bị cáo V tự lấy dao cứa đe dọa tự tử, gồm: 01 vết xước da đã khô máu diện (2,8 x 0,1)cm hướng từ trái sang phải, đầu vết cách bên phải rốn 3,5cm; tại vị trí bên trái bụng, phía trước dưới sườn có 01 vết xước da đã khô máu diện (5,3 x 0,1)cm, đầu vết cách bên trái rốn 9,5cm; tại vị trí bên trái trước bụng, dưới sườn có 01 vết xước da đã khô máu diện (5,5 x 0,1)cm, đầu vết cách bên trái rốn 8,5cm.

Sau khi bị Nguyễn Văn V gây thương tích, anh Sơn đã đến Bệnh viện đa khoa thành phố P để sơ cứu vết thương rồi về nhà tự điều trị. Quan giám định, tại bản Kết luận giám định số 588/KLTTCT-TTPY ngày 30/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai đã kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Cảnh S tại thời điểm giám định là 8% (tám phần trăm) và xác định vật gây thương tích: Vết thương phần mềm mặt mu đầu gần xương bàn ngón II cách cổ tay trái 1cm về phía dưới trong là thương tích phù hợp với sự tác động của vật tày có cạnh cứng. Căn cứ đặc điểm tính chất của vết thương và lời khai của các bên thì vết thương trên phù hợp với sự tác động (cắn) của cung răng. Các thương tích xước rách da ở mặt lòng các ngón III, IV, V bàn tay trái phù hợp với sự tác động của vật có cạnh sắc bén. Vì vậy, vật được trưng cầu là 01 con dao do Cơ quan điều tra Công an thành phố P cung cấp là vật phù hợp để gây ra các thương tích nêu trên.

Cơ quan điều tra đã tiến hành Trưng cầu giám định chất màu nâu nghi máu dính trên con dao. Tại bản Kết luận giám định số 72/KL-KTHS ngày 07/01/2025 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: "Chất màu nâu

nghi máu dính trên con dao (dao gấp bấm) dài 19,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 09cm, mũi nhọn, cán bằng kim loại dài 10,5cm (Mẫu ký hiệu A1) trong bì công văn niêm phong gửi giám định: ***là máu người, nhóm máu 0***".

Tại Cáo trạng số 91/CTr-VKS ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội: "Chống người thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 con dao (dao gấp bấm) dài 19,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 09cm, mũi nhọn, cán bằng kim loại dài 10,5cm.

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 16 giờ ngày 23/12/2024, bị cáo Nguyễn Văn V mang theo 01 dao bấm cất trong người rồi đến nhà chị Nguyễn Thị Hạnh D ở Tổ 05, phường H, thành phố P, để tìm gặp D nói chuyện. Đến nơi, bị cáo V gặp bà Phạm Thị H (là mẹ của chị D) và hỏi về D. Tại đây, bị cáo Vó đã cởi áo, rút dao bấm ra dí dao vào bụng mình đe dọa tự tử nếu bà H không cho gặp D và bị cáo Vó đã dùng dao tự cứa 03 cái vào vùng bụng của mình. Thấy vậy, bà H bỏ chạy ra ngoài đường nhờ chị Trần Thị Thu U đến trình báo Công an phường Hội Phú.

Ngay sau khi nhận được tin báo, thực hiện nhiệm vụ đã được phân công; lực lượng Công an phường Hội Phú, gồm: anh Lê Cảnh S và anh Ngô Trung H cùng ông Nguyễn Văn H (là tổ trưởng Tổ an ninh trật tự cơ sở phường H) đến nhà bà Hàng để xem xét, giải quyết vụ việc. Đến nơi, anh S và anh H giới thiệu là cán bộ Công an phường H và yêu cầu bị cáo V bỏ dao xuống nhưng Vó không chấp hành mà lớn tiếng đuổi anh S, anh H ra ngoài. Khi anh S khống chế chụp được tay bị cáo V đang cầm dao thì bị cáo V cắn vào tay anh S và tay bị cáo V cầm dao vùng vẫy xoay dao làm dao cứa vào bàn tay trái của anh S nhằm chống cự; hậu quả anh S đã bị tổn hại sức khỏe 08%.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn V đủ dấu hiệu cấu thành tội "Chống người thi hành công vụ", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân để xét xử theo tội danh và điều luật như Bản cáo trạng viện dẫn là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất mức độ hành vi của bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của người thi hành công vụ được cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, làm giảm hiệu lực quản lý của cơ quan nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh xã hội tại địa phương.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bản thân đã 02 lần bị kết án, tuy đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm gương để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[6] Về hình phạt:

Từ phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng mức hình phạt tù là có căn cứ, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[7]. Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 con dao (dao gấp bấm) dài 19,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 09cm, mũi nhọn, cán bằng kim loại dài 10,5cm.

[8] Về dân sự: Anh Lê Cảnh Svà bà Phạm Thị H không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không xem xét giải quyết.

[9]. Đối với các hành vi bị cáo cắn vào tay anh Sơn, bị cáo V vùng vẫy tay đang cầm dao chống cự làm anh Lê Cảnh S bị thương tích, tổn hại sức khỏe 08%. Do anh Lê Cảnh S đã có đơn không yêu cầu khởi tố nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với Nguyễn Văn V về tội "Cố ý gây thương

tích” là có căn cứ.

[10]. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2024.

4. Các vấn đề khác:

- *Về xử lý vật chứng:*

Tịch thu tiêu huỷ: 01 con dao (dao gấp bấm) dài 19,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 09cm, mũi nhọn, cán bằng kim loại dài 10,5cm.

Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01 tháng 4 năm 2025 giữa Công an tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an tỉnh Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Síu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Síu

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Síu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thao **Doãn Thị Lệ** **Hoàng Thị Síu**

TÒA ÁN[1].....

Bản án số:...../.....[2]/HS-ST
Ngày.....-.....-..... [3]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN..... [4]

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:[5]
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....
Thẩm phán: Ông (Bà) .....
Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):
Ông (Bà) .....
Ông (Bà) .....
Ông (Bà) .....
- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)…… [6]

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân[7].....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm..... [8] tại……[9]
xét xử sơ thẩm công khai[10] vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:…/…/TLST-HS ngày…tháng…năm…theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:…/…/QĐXXST-HS ngày…tháng…năm… đối với bị cáo (các bị cáo):

[11] .....sinh ngày.....tháng..... năm.....tại ..... Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân tộc:…….; giới tính:……..; tôn giáo:……..; quốc tịch:…….; con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; [12]tiền án.....,tiền sự.....; nhân thân…….; bị bắt, tạm giam ngày[13].....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:[14]

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là[15].....

- Người bào chữa cho bị cáo:[16].....
……..

- Bị hại:[17].....
……..

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:[18] .....

……..

- Nguyên đơn dân sự:[19] .....

……..

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:[20].....

……..

- Bị đơn dân sự:[21].....

……..

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:[22] .....

……..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:[23] .....

……..

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:[24]

.....

……..

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):[25]……...

……..

- Người tham gia tố tụng khác:[26]……

……..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:[27]

……

.....

……

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: [28]

[1]……

……..

[2]……..

……

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào[29]……

……...

[30] ....

....

[31] ....

……...

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân

thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)